

Bản án số: 65/2026/HS-PT
Ngày: 23 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Trúc Lâm.

2. Bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2026/TLPT-HS ngày 02 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Đức T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 24/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1960 tại Nghệ An; nơi cư trú: Tổ dân phố F, xã P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân K (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1929; vợ Dương Thị T1, sinh năm 1973 (đã ly hôn năm 2012); con: có 02 con, sinh năm 1994 và sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 08/02/2025, Nguyễn Đức T có hành vi đánh bạc. Đến ngày 06/02/2026, bị Tòa án nhân dân Khu vực 12 – tỉnh Gia Lai xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 12/2026/HS-ST.

Biện pháp ngăn chặn: Bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P – Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Đ.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T: Luật sư Lê Trọng C – Văn phòng L4 thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: D N, Phường T, Tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bị hại:* Ông Ksor Y B, sinh năm 2000; Địa chỉ: Buôn L, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Kpá Hò L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Buôn L, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Cháu Kpá Y K1, sinh ngày 15/4/2011; Địa chỉ: Buôn L, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

* *Người giám hộ cho cháu Kpá Y K1:* Kpá Hò P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Buôn L, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 29/3/2025, Nguyễn Đức T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81N1-186.06 (xe mô tô của T) đi từ nhà đến xã S, tỉnh Đắk Lắk; T quan sát thấy nhà dân sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Lúc này khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, T phát hiện nhà ông K2 Y BLôi ở Buôn L, xã S, tỉnh Đắk Lắk đi vắng, T dựng xe ngoài đường rồi đi bộ vào nhà ông Y B lén lút đột nhập vào nhà trộm cắp 01 sợi dây chuyền bằng vàng loại vàng 610 trọng lượng 2,422 chỉ; 01 chiếc vòng tay bằng vàng loại vàng 610 trọng lượng 1,078 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng vàng loại vàng 610 trọng lượng 4,67 phân, trọng lượng hột 01ly, 01 chiếc nhẫn bằng vàng loại 09K trọng lượng vàng 3,85 phân, trọng lượng hột 02ly và 01 con heo đất bên trong có chứa 10.000.000 đồng được cất trong tủ quần áo. T đem con heo đất ra phía sau nhà ông Y B đập vỡ lấy hết số tiền, vàng cất giấu trong người rồi nhanh chóng rời khỏi nhà ông Y B. Đến khoảng 08 giờ 34 phút cùng ngày, T tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà ông Kpá Y L1 ở Buôn L, xã S, T phát hiện nhà ông Y L1 đi vắng không khóa cửa, T lén lút đột nhập vào nhà lục tìm tài sản, T vào phòng ngủ lục túi quần dài của ông Y L1 treo trên tường lấy chiếc ví da màu nâu bên trong có số tiền 2.200.000 đồng, T mở ví lấy hết tiền rồi bỏ ví da vào chỗ cũ và tiếp tục lục tìm tài sản nhưng không có, rồi T điều khiển xe mô tô đem tài sản trộm cắp về nhà T tại xã P, tỉnh Gia Lai. Sau đó, ông Ksor Y B và ông Kpá Y L1 phát hiện bị mất tài sản đã báo cơ quan chức năng.

Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 30/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên huyện S (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk) kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng; 01 chiếc vòng tay bằng vàng; 02 chiếc nhẫn bằng vàng trị giá 25.848.400 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Đức T đã tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại cho ông Kpá Y L1 số tiền 2.200.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Tạm giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 81N1-186.06 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 016187, nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu đỏ đen số máy JC76E1080563, số khung 7620KY024381; 01 mũ bảo hiểm tron

bằng nhựa màu đỏ, dè trước màu đen, quai bằng vải màu đen; 01 đôi dày vải màu đen, đế dày bằng cao su viền màu trắng, trên thân có dòng chữ T BOLU màu vàng; 01 quần vải màu xám đen; 01 áo khoác dài tay có mũ trùm đầu bằng vải màu đen; 01 khẩu trang y tế màu xanh đã qua sử dụng và nhiều mảnh vỡ từ con heo đất màu trắng hồng.

Đồ vật bị tạm giữ khác: 01 điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh đã qua sử dụng; 01 thẻ nhớ 64 GB được gắn trong Camera trong sân nhà Nguyễn Đức T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2025/HS-ST ngày 24/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Đắk Lắk đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 22/8/2025.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/12/2025, bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo kêu oan toàn bộ đối với hành vi trộm cắp 35.848.400 đồng tại nhà ông Ksor Y B và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Đức T là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với hành vi trộm 2.200.000 đồng tại nhà ông Kpă Y L1: Bị cáo đã thừa nhận hành vi, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác. Đối với hành vi trộm 35.848.400 đồng tại nhà ông K2 Y BLôi: Cơ quan công tố căn cứ vào chuỗi chứng cứ gồm lời khai nhận dạng của nhân chứng Kpă Y K1; đặc điểm phương tiện, trang phục của bị cáo di chuyển qua khu vực hiện trường để buộc tội là có căn cứ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, có nhân thân xấu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan, giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Người bào chữa của bị cáo tranh luận:

– Đề nghị HĐXX áp dụng nguyên tắc "suy đoán vô tội", tuyên bị cáo Nguyễn Đức T không phạm tội đối với hành vi trộm cắp tài sản (trị giá 35.848.400 đồng) tại nhà ông K2 Y BLôi do hồ sơ bộc lộ những mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục.

– Chứng cứ buộc tội duy nhất là lời khai của nhân chứng Y K1 (14 tuổi) là hoàn toàn thiếu khách quan, mâu thuẫn: Khoảng cách quan sát quá xa (40-50m);

đặc điểm nhận dạng sai lệch (khai kính trắng, khẩu trang trắng nhưng thực tế thu giữ là khẩu trang xanh, không kính); nhân chứng bị "ám thị" do xem video camera nhà ông L1 trước khi nhận dạng.

– Sự phi lý của hiện trường: Tài sản giấu kín trong tủ nhôm nhưng hiện trường không hề bị xáo trộn, trái ngược hoàn toàn với quy luật hành động của kẻ trộm vắng lai. Đồng thời, cơ quan điều tra không thu thập được bất kỳ dấu vân tay nào của bị cáo trên tủ nhôm hay mảnh vỡ heo đất.

– Đối với hành vi trộm 2.200.000 đồng tại nhà ông Kpă Y L1: Bị cáo thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường, tài sản chiếm đoạt không lớn. Đề nghị HĐXX tuyên mức án nhẹ nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức và nội dung kháng cáo:

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét giải quyết. Bị cáo kháng cáo kêu oan đối với hành vi trộm cắp 35.848.400 đồng tại nhà ông K2 Y BLôi; thừa nhận hành vi trộm cắp 2.200.000 đồng tại nhà ông Kpă Y L1 và xin giảm nhẹ hình phạt.

[2] Xét kháng cáo kêu oan đối với số tiền 35.848.400 đồng:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và quy kết: Trong khoảng thời gian từ 7 giờ 30 phút đến 08 giờ 34 phút ngày 29/3/2025, bị cáo Nguyễn Đức T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ông K2 Y BLôi để trộm cắp tiền, vàng trị giá 35.848.400 đồng là chưa có căn cứ. Bởi lẽ: Chứng cứ buộc tội duy nhất là lời khai và nhận dạng của cháu Kpă Y K1 (14 tuổi) chỉ mang tính chất gián tiếp. Cháu K1 khai nghe thấy tiếng “nổ” (được phỏng đoán là tiếng đập vỡ heo đất) ở khoảng cách xa (40-50m) dưới góc nhìn xéo, thấy người đàn ông đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm. Đặc điểm nhận dạng cháu K1 mô tả (kính trắng, khẩu trang trắng) hoàn toàn sai lệch với vật chứng thu giữ của bị cáo (khẩu trang xanh, không kính). Đây là các chứng cứ gián tiếp, mờ nhạt, chưa đủ cơ sở để xác định rằng chính bị cáo Nguyễn Đức T là người thực hiện hành vi lấy tài sản của gia đình ông Ksor Y B.

Trong khi đó, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng, việc thu thập và đánh giá chứng cứ bộc lộ những mâu thuẫn không đúng với những gì đã xảy ra của vụ việc, cụ thể:

– **Thứ nhất, về hiện trường và chứng cứ:** Vàng và heo đất được cất giấu phân tán trong chiếc tủ quần áo bằng nhôm (ở ngăn trên và ngăn dưới). Việc bị hại và những người trong gia đình đều xác nhận "*các đồ đạc khác trong nhà không bị xáo trộn*". Bị cáo là người từ một địa phương khác đến, hoàn toàn không biết gì về gia đình ông K2 YBLôi, cũng không biết gia đình bị hại có những tài sản gì, vậy muốn lấy được tài sản thì phải lục lạo và tìm kiếm, trong khi đó bị hại

khai và biên bản hiện trường thì không có sự xáo trộn, không thu thập được bất kỳ dấu vân tay nào của bị cáo trên các mảnh vỡ heo đất được thu tại hiện trường và cũng không tiến hành thu dấu vân tay trên cánh cửa tủ nhôm.

– **Thứ hai, về tính khách quan của nhân chứng:** Cháu K1 quan sát từ xa, miêu tả kẻ trộm *"đeo kính màu trắng, đeo khẩu trang che từ miệng trở xuống"*, nhưng vật chứng thu giữ của bị cáo là khẩu trang y tế màu xanh, không thu giữ được kính. Việc cháu K1 nhận dạng đúng khuôn mặt bị cáo tại Cơ quan điều tra là do K1 đã bị "ám thị" từ việc được gia đình ông Ksor Y B có lời khai thừa nhận đã cho Y K1 xem đoạn video camera ghi hình bị cáo (từ vụ án nhà ông L1) trước khi tiến hành nhận dạng. Ngoài ra, tại Bút lục 132, lời khai nhân chứng tự mâu thuẫn trầm trọng trong cùng một thời điểm: “Khi phát hiện em nghĩ là người đi mua phân bò nên không báo cho ai, đến khi chị H Loát là vợ của anh Y B đi hỏi những người trong nhà có ai lấy tiền của chị thì lúc đó em mới nói Lúc nãy em có thấy một người đàn ông đi từ chuồng gà đi ra cầm tiền bỏ vào túi quần rồi bỏ đi” nhưng ngay sau đó khi cơ quan điều tra hỏi khi phát hiện, em có hô hoán cho mọi người truy bắt không thì bị hại lại trả lời “em có hô cướp”.

– **Thứ ba, về người tham gia tố tụng:** Bà Kpă Hờ L2 là đồng sở hữu tài sản, trực tiếp cất vàng và quản lý heo đất nhưng không được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là bị hại. Chưa làm rõ lời khai khai của bà L2, ông Ksor Y T2 và bà Kpă Hờ L3 (những người đầu tiên tiếp cận hiện trường). Chính những lời khai này xác nhận hiện trường không bị xáo trộn và việc nhân chứng Y K1 được gia đình cho xem video camera trước khi khai báo.

– **Thứ tư, về định lượng tài sản:** Số tiền 10.000.000 đồng được xác định thông qua việc bị hại nuôi heo đất chỉ vốn vẹn 21 ngày (từ ngày 08/3/2025 đến ngày 29/3/2025) bằng nguồn thu nhập bấp bênh từ nghề chạy máy cày thuê. Bị hại thừa nhận tại Tòa là có nhiều lần rút tiền trong heo đất ra chi tiêu nhưng không kiểm đếm. Việc cơ quan tố tụng lấy con số cảm tính, ước lượng của bị hại làm căn cứ định khung hình phạt và buộc bồi thường là vi phạm nguyên tắc chứng minh trong vụ án hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã phát hiện ra những điểm mâu thuẫn, vi phạm này đã có Quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung để làm rõ. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố mà không thể đưa ra thêm được bất kỳ chứng cứ vật chất trực tiếp nào khác để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ những phân tích và thiếu sót nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chưa có căn cứ để khẳng định bị cáo Nguyễn Đức T là người đã có hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông K2 Y BLôi với số tiền và vàng có giá trị 35.848.400đ. Vì vậy cần phải sửa một phần của bản án sơ thẩm.

[3] Đánh giá về hành vi trộm cắp 2.200.000 đồng tại nhà ông Kpă Y L1 và hình phạt:

- Đối với hành vi trộm cắp số tiền 2.200.000 đồng của bị hại Kpă Y L1, bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi. Lời khai này phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như dữ liệu hình ảnh trích xuất từ camera, biên bản thực nghiệm hiện trường. Hành vi của bị cáo đủ căn cứ để kết luận bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, thì thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là nghiêm khắc, tại phiên tòa phúc thẩm chưa có căn cứ để kết luận bị cáo phạm tội hai lần trở lên (điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS) nên cần chấp nhận nội dung kháng cáo để xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng và nhân đạo của Nhà nước.

- Về tổng hợp hình phạt: Tại bản án số 12/2026/HS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai đã xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, vì vậy áp dụng thêm Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[4] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng và án phí:

- **Về trách nhiệm dân sự:** Do chưa có căn cứ để buộc bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông K2 Y BLôi, nên bị cáo không phải bồi thường số tiền 35.848.400 đồng cho gia đình ông K2 Y BLôi. Cần hủy phần Quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự đối với nội dung khoản nói trên cho gia đình ông Ksor Y B. Đối với số tiền 2.200.000 đồng tại nhà ông Kpă Y L1, bị cáo đã bồi thường xong và không có kháng cáo nên HĐXX không xem xét.

- **Về vật chứng:** Giữ nguyên các quyết định xử lý vật chứng theo bản án sơ thẩm.

- **Về án phí:** Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo Nguyễn Đức T không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo không phải bồi thường dân sự đối với ông Ksor Y B nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm đối với tội danh đã bị kết án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 24/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - tỉnh Đắk Lắk về hình phạt và trách nhiệm dân sự.

2. Về Tội danh và Hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội "Trộm cắp tài sản" đối với hành vi trộm cắp số tiền 2.200.000 đồng của bị hại Kpă Y L1.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 09 (C1) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tổng hợp với hình phạt 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án số 12/2026/HS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 15 (Mười lăm) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/8/2025, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ theo bản án trước từ ngày 01/4/2025 đến ngày 10/4/2025.

3. Về Trách nhiệm dân sự:

- Hủy bỏ toàn bộ phần quyết định của Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự đối với nội dung buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải bồi thường số tiền 35.848.400 đồng cho bị hại Ksor Y BLôi.

- Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.200.000 đồng cho bị hại Kpă Y L1.

4. Về **Án phí**: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND KV15 - Đắk Lắk;
- VKSND KV15 - Đắk Lắk;
- THA DS Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hồng